

**THÔNG BÁO PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025**

Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông báo chỉ tiêu, ngành xét tuyển và các điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển năm 2025 như sau:

1. Thông tin chung

- Mã trường: HBT.

- Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 0243.7546963 Fax: (+84) 0243.7548949

Cổng thông tin điện tử: <https://ajc.hcma.vn/>

Chuyên trang đào tạo - tuyển sinh: <https://daotaoajc.edu.vn/>

2. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; đạt yêu cầu xét tuyển theo quy định của Học viện về học lực, hạnh kiểm bậc THPT. Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Các chương trình đào tạo

3.1. Nhóm 1 gồm các ngành:

- Ngành Báo chí, gồm 6 chuyên ngành: Báo in; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử;

- Ngành Xuất bản, gồm 2 chuyên ngành: Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử.

3.2. Nhóm 2 gồm các ngành:

- Ngành Triết học;

- Ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học;

- Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước;
- Ngành Quản lý công;
- Ngành Quản lý nhà nước;
- Ngành Công tác xã hội;
- Ngành Xã hội học;
- Ngành Chính trị học, gồm 4 chuyên ngành: Công tác tư tưởng - văn hóa; Chính trị phát triển; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Truyền thông chính sách;
- Ngành Kinh tế chính trị;
- Ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

3.3. Nhóm 3: Ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.4. Nhóm 4 gồm các ngành:

- Ngành Quan hệ quốc tế, gồm 3 chuyên ngành: Thông tin đối ngoại; Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế; Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu;
- Ngành Truyền thông quốc tế;
- Ngành Quan hệ công chúng, gồm 2 chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp; Truyền thông marketing;
- Ngành Quảng cáo;
- Ngành Ngôn ngữ Anh;
- Ngành Truyền thông đại chúng;
- Ngành Truyền thông đa phương tiện.

4. Phương thức tuyển sinh

4.1. Xét học bạ (dự kiến 20% chỉ tiêu): Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT 6 học kỳ:

- *Đối với các ngành thuộc nhóm 1:* Xét tuyển TBC kết quả học tập bậc THPT 6 học kỳ + TBC kết quả học tập môn Ngữ văn THPT (hệ số 2);

- *Đối với các ngành thuộc nhóm 2:* Xét tuyển TBC kết quả học tập bậc THPT 6 học kỳ;

- *Đối với các ngành thuộc nhóm 3:* Xét tuyển TBC kết quả học tập bậc THPT 6 học kỳ + TBC kết quả học tập môn Lịch sử THPT (hệ số 2);

- Đối với các ngành thuộc nhóm 4: Xét tuyển TBC kết quả học tập bậc THPT 6 học kỳ + TBC kết quả học tập môn Tiếng Anh THPT (hệ số 2).

4.2. Xét tuyển kết hợp (dự kiến 30% chỉ tiêu) đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600, điểm TBC học tập của 6 học kỳ bậc THPT từ 7,0 trở lên, hạnh kiểm của bậc THPT xếp loại Tốt;

Thí sinh xét tuyển các ngành thuộc nhóm 1: điểm TBC 6 học kỳ môn Ngữ văn THPT đạt tối thiểu 7,0 trở lên;

Thí sinh xét tuyển ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản thuộc nhóm 1, ngành Xã hội học thuộc nhóm 2 và các ngành thuộc nhóm 4: điểm TBC học tập 6 học kỳ môn Tiếng Anh THPT đạt tối thiểu 7,0 trở lên.

4.3. Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT (dự kiến 50% chỉ tiêu):

Học viện chấp nhận quy đổi điểm môn tiếng Anh đối với những thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh và được quy định mức quy đổi cụ thể tại Mục 8.2. Điểm tiếng Anh quy đổi sẽ được kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT thành tổ hợp môn xét tuyển. Phương thức xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp môn xét tuyển như sau:

Nhóm ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Toán học
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Tin học
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Lịch sử
2	- Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh
	- Ngữ văn, Toán học, Tin học
	- Ngữ văn, Toán học, Lịch sử
	- Ngữ văn, Toán học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
3	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Tiếng Anh
	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Toán học
	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Tin học
	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

4	<ul style="list-style-type: none"> - Ngữ văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Toán học - Ngữ Văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Tin học - Ngữ Văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Giáo dục Kinh tế và Pháp luật - Ngữ Văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Lịch sử
---	---

4.4. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lưu ý: Điểm xét tuyển của các phương thức xét tuyển (trừ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển) được quy đổi sang thang điểm 30 đối với các ngành thuộc nhóm 2 và quy đổi sang thang 40 đối với các ngành thuộc nhóm 1, nhóm 3 và nhóm 4.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh, mã phương thức tuyển sinh

5.1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: 2.400 chỉ tiêu

Trong đó:

- Tuyển sinh đại học chính quy cấp bằng đại học thứ nhất: **2.050 chỉ tiêu.**
- Tuyển sinh đại học chính quy cấp bằng đại học thứ hai: **350 chỉ tiêu (có Thông báo riêng).**

5.2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành/chuyên ngành và theo phương thức tuyển sinh

Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu
1	602	Báo chí, chuyên ngành Báo in	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
2	604	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
3	605	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình	100	KQ thi TN	45	90
			200	Học bạ	18	
			410	Kết hợp	27	
4	607	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử	100	KQ thi TN	45	90
			200	Học bạ	18	
			410	Kết hợp	27	
5	603	Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
6	606	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
7	7320105	Truyền thông đại chúng	100	KQ thi TN	50	100
			200	Học bạ	20	
			410	Kết hợp	30	

Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	100	KQ thi TN	75	150
			200	Học bạ	30	
			410	Kết hợp	45	
9	7229001	Triết học	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
10	7229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
11	7310102	Kinh tế chính trị	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
12	527	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	100	KQ thi TN	75	150
			200	Học bạ	30	
			410	Kết hợp	45	
13	530	Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng - văn hóa	100	KQ thi TN	50	100
			200	Học bạ	20	
			410	Kết hợp	30	
14	531	Chính trị học, chuyên ngành Chính trị phát triển	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
15	533	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
16	538	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
17	532	Quản lý nhà nước	100	KQ thi TN	50	100
			200	Học bạ	20	
			410	Kết hợp	30	
18	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	100	KQ thi TN	45	90
			200	Học bạ	18	
			410	Kết hợp	27	
19	801	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
20	802	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
21	7310301	Xã hội học	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
22	7760101	Công tác xã hội	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
23	7340403	Quản lý công	100	KQ thi TN	45	90
			200	Học bạ	18	
			410	Kết hợp	27	
24	7229010	Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	

Stt	Mã ngành/ chuyên ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	Tổng chỉ tiêu
25	7320107	Truyền thông quốc tế	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
26	610	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
27	611	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
28	614	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
29	615	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	
30	616	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing	100	KQ thi TN	40	80
			200	Học bạ	16	
			410	Kết hợp	24	
31	7320110	Quảng cáo	100	KQ thi TN	20	40
			200	Học bạ	8	
			410	Kết hợp	12	
32	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	KQ thi TN	25	50
			200	Học bạ	10	
			410	Kết hợp	15	

6. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Thí sinh dự tuyển theo tất cả các phương thức xét tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có kết quả xếp loại học lực lớp 10, lớp 11 và lớp 12 bậc THPT đạt 6,5 trở lên;
- + Hạnh kiểm năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 bậc THPT xếp loại Khá trở lên.

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức xét học bạ và xét kết hợp vào các ngành thuộc nhóm 1: điểm TBC 6 học kỳ môn Ngữ văn THPT đạt từ 7,0 trở lên.

- Thí sinh xét tuyển theo phương thức xét học bạ và xét kết hợp vào ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản thuộc nhóm 1, ngành Xã hội học thuộc nhóm 2, và các ngành thuộc nhóm 4: điểm TBC 6 học kỳ môn tiếng Anh THPT đạt từ 7,0 trở lên.

- Xét tuyển đối với thí sinh tự do: Học viện nhận hồ sơ xét tuyển học bạ đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm 2023, 2024. Không nhận hồ sơ xét tuyển học bạ

với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm trước đó.

Thí sinh chịu trách nhiệm về điều kiện nộp hồ sơ (học lực, hạnh kiểm) theo quy định của Học viện. Trong trường hợp thí sinh đạt điểm xét tuyển nhưng không đáp ứng yêu cầu về điều kiện nộp hồ sơ, Học viện không công nhận trúng tuyển.

7. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời hạn và hình thức nhận hồ sơ đối với tất cả các phương thức xét tuyển: theo quy định và lịch trình công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*có Thông báo nộp hồ sơ riêng*).

8. Chính sách ưu tiên

8.1. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

- Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Học viện.

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT được ưu tiên xét tuyển theo ngành phù hợp với môn thi và nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

- Thí sinh đăng ký diện ưu tiên xét tuyển các ngành thuộc nhóm 1 phải đạt điểm TBC học tập 6 học kỳ môn Ngữ văn THPT từ 7,0 trở lên.

- Thí sinh đăng ký diện ưu tiên xét tuyển ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản thuộc nhóm 1, ngành Xã hội học thuộc nhóm 2 và các ngành thuộc nhóm 4 phải đạt điểm TBC học tập 6 học kỳ môn Tiếng Anh THPT từ 7,0 trở lên.

Kết quả xét tuyển thẳng sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được gửi cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo cho thí sinh và được thông báo trên Cổng thông tin điện tử Học viện - Chuyên trang đào tạo - tuyển sinh: <https://daotaoajc.edu.vn/>

8.2. Quy đổi, cộng điểm đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc môn tiếng Anh

Mức quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh, chứng chỉ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) để xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT, cộng điểm khuyến khích đối với thí sinh xét tuyển học bạ, cụ thể như sau:

Bảng quy đổi, cộng điểm đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc môn tiếng Anh

TT	Mức điểm chứng chỉ tiếng Anh					Điểm quy đổi để xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	Điểm khuyến khích xét tuyển học bạ
	TOEFL ITP	IELTS	APTIS (General)	APTIS (Advanced)	VSTEP		
1	485-499	5.0	131	110	5.5 (Bậc 3)	7,0	0,1
2	500-542	5.5	153	126	6.0 (Bậc 4)	8,0	0,2
3	543-560	6.0	160	153	7.0 (Bậc 4)	9,0	0,3
4	561-589	6.5	170	160	8.0 (Bậc 4)	9,5	0,4
5	>=590	>=7.0	>=180	>=165	>=8.5 (Bậc 5)	10,0	0,5

Bảng cộng điểm điểm khuyến khích đối với phương thức xét tuyển học bạ

TT	Chứng chỉ SAT	Điểm khuyến khích đối với xét tuyển học bạ
1	1200 - 1270	0,1
2	1280 - 1350	0,2
3	1360 - 1430	0,3
4	1440 - 1510	0,4
5	>=1520	0,5

Thí sinh có các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP (do tổ chức Educational Testing Service cấp), chứng chỉ IELTS, chứng chỉ SAT (do tổ chức Educational Testing Service cấp), chứng chỉ APTIS (do tổ chức British Council cấp), chứng chỉ Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp, còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển đại học (tính đến ngày cuối cùng nhận hồ sơ xét tuyển) phải nộp bản sao công chứng chứng chỉ TOEFL ITP/ IELTS/ APTIS/ SAT/ VSTEP về Học viện để xét quy đổi điểm tuyển sinh.

Lưu ý: Thí sinh đăng ký quy đổi điểm tiếng Anh bắt buộc gửi chứng chỉ tiếng Anh về Học viện trong thời hạn quy định để Học viện tiến hành quy đổi điểm tương ứng phục vụ xét tuyển.

8.3. Điểm ưu tiên theo đối tượng, khu vực

Loại ưu tiên	Đối với thí sinh xét học bạ	Đối với thí sinh xét kết quả tốt nghiệp THPT
<i>Ưu tiên theo đối tượng</i>		Thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nhóm ưu tiên 1: đối tượng 01, 02, 03, 04	0,1	
Nhóm ưu tiên 2: đối tượng 05, 06, 07	0,05	
<i>Ưu tiên theo khu vực</i>		
KV1	0,15	
KV2NT	0,1	
KV2	0,05	

8.4. Điểm khuyến khích đối với thí sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa (sử dụng cho phương thức xét học bạ)

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa: 0,4 điểm.

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,3 điểm.

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: 0,2 điểm.

Thí sinh đạt giải cần nộp các minh chứng kèm hồ sơ đăng ký xét tuyển.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c),
- Học viện CTQG HCM (đề b/c),
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Website,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC 
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


 Phạm Minh Sơn